

Số: 221/BC-CCTTBVTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO

Tình hình sinh vật gây hại cây trồng

(Từ ngày 28 tháng 02 năm 2024 đến ngày 05 tháng 3 năm 2024)

I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT VÀ CÂY TRỒNG

1. Thời tiết

Có mây, ngày nắng nóng; đêm không mưa. Gió nhẹ. Nhiệt độ thấp nhất từ 23°C - 26°C, nhiệt độ cao nhất từ 34°C - 36°C.

Dự báo tuần tới: Từ ngày 06/3 đến ngày 07/3: đêm không mưa; ngày nắng nóng. Từ ngày 07/3 đến ngày 13/3/2024: chiều tối và đêm có mưa rào vài nơi; ngày nắng nóng. Nhiệt độ trung bình từ: 26,5°C - 27,5°C. Giá trị tổng lượng mưa <5 mm.

2. Cây trồng và giai đoạn sinh trưởng

a) Cây lúa vụ Đông xuân 2023 – 2024

STT	Giai đoạn sinh trưởng	Diện tích gieo trồng (ha)
1	Mạ	50,0
2	Đẻ nhánh	20,0
3	Làm đòng	-
4	Trổ	988,0
5	Chín	2.373,0
6	Thu hoạch	826,0
	Tổng	4.257,0

b) Cây trồng khác

Nhóm/loại cây	Giai đoạn sinh trưởng	DTGT (ha)	Nhóm/loại cây	Giai đoạn sinh trưởng	DTGT (ha)
1. Cây rau vụ Đông xuân 2023 - 2024		7.412,1	2. Hoa, cây kiểng	Nhiều giai đoạn	1.742
- RALNN	Nhiều giai đoạn	1.846,9	Hoa lan	Nhiều giai đoạn	305
- RALDN	-	-	Hoa mai	Nhiều giai đoạn	810
- RCQNN	Nhiều giai đoạn	606,7	3. Cây lương thực		438,4
- RCQDN	Nhiều giai đoạn	502,5	Bắp	Sinh trưởng	409,1
- Rau gia vị	Nhiều giai đoạn	242,9	Khoai mì	Sinh trưởng	27,2
- Rau thủy sinh	Nhiều giai đoạn	211,0	4. Cây công nghiệp	Nhiều giai đoạn	1.460,8
- RMN	Nhiều giai đoạn	2.035,1			

Ghi chú: DTGT: Diện tích gieo trồng; RALNN: Rau ăn lá ngắn ngày; RALDN: Rau ăn lá dài ngày; RCQNN: Rau củ quả ngắn ngày; RCQDN: Rau củ quả dài ngày; RMN: Rau muống nước;

II. KẾT QUẢ GIÁM SÁT SINH VẬT GÂY HẠI CHỦ YẾU

1. Số liệu theo dõi rầy nâu vào bẫy đèn trên lúa (con/bẫy/đêm)

TT	HUYỆN	Xã	Ngày vào đèn						
			27/02	28/02	29/02	01/3	02/3	03/3	04/3
1	Cù Chi	Thái Mỹ	720	480	1740	516	428	216	53
		Trung Lập Thượng	96	112	108	27	18	15	-

III. TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI CHỦ YẾU

1. Mật độ, tỷ lệ sinh vật gây hại chủ yếu

a) Trên cây lúa vụ Đông xuân 2023 - 2024

TT	Tên SVGH	Mật độ sâu (c/m ²), tỷ lệ bệnh (%)			Tuổi sâu, cấp bệnh phổ biến	Phân bố
		Phổ biến	Cao	Cục bộ		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Sâu cuốn lá	10-25			T1-5	CC
2	Bọ xít hôi	3-6			T1-3	CC, HM
3	OBV	2-4			Các giai đoạn	CC, HM, BT
4	Chuột	3-5			Các giai đoạn	CC, BT
5	Đạo ôn	5-10%			C1-C3	HM, CC
6	Đốm vằn	10-15%			C1-C3	HM, CC

b) Trên cây rau

TT	Tên SVGH	Mật độ sâu (c/m ²), tỷ lệ bệnh (%)			Tuổi sâu, cấp bệnh phổ biến	Phân bố
		Phổ biến	Cao	Cục bộ		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Bọ nhảy	10-20			1-5	HM, Q12, BC, BT
2	Sâu xanh	5-10			1-5	HM, Q12, BC, BT, CC
3	Sâu tơ	10-25			1-5	HM, Q12, BC, BT, TĐ
4	Dòi đục lá	15-30%			1-5	HM, CC
5	Sâu đục trái	5-10%			1-5	BC
6	Sâu ăn tạp	3-10			1-5	TĐ, HM, Q12, BC, BT, CC
7	Bọ trĩ	15-30%			1-5	BC, CC
8	Rầy mềm	15-30%			1-5	BC, BT
9	Rầy xanh	3-7			1-5	BC, HM, CC
10	Rầy xám	100->500			1-5	HM, Q12, TĐ
11	Bọ phấn	2-10			1-5	CC
12	Sâu đục đọt	5-10			1-5	BC
13	Bọ xít đen	5-10			1-5	TĐ
14	Ruồi đục trái	5-10%			1-5	BC, CC
15	OBV	3-30			Các giai đoạn	TĐ, HM, Q12
16	Ốc sên	3-6			Các giai đoạn	Q12, BC
17	Tnhũn/r.cải	5-10%			1-3	HM, Q12, BC
18	Ri trắng/RM	2-5%			1-3	TĐ, HM, Q12, BC, BT, CC
19	Đốm lá	5-10%			1-3	BC, HM, Q12
20	Ph.vàng/dưa leo, khổ qua	5-7			1-3	HM
21	Vàng lá	2-10			1-3	TĐ, HM

2. Nhận xét tình hình sinh vật gây hại trong kỳ

a) Cây lúa vụ Đông xuân 2023 - 2024: Tổng diện tích nhiễm sinh vật hại trên lúa là 899,9 ha, giảm 291,5 ha so với tuần trước. Diện tích nhiễm tập trung tại huyện Củ Chi, Hóc Môn. Các sinh vật hại trên lúa hiện nay chủ yếu gồm có: Sâu cuốn lá, bọ xít hôi, ốc brou vàng, chuột và bệnh đạo ôn, bệnh đốm vằn. Các sinh vật hại đều ở mức nhiễm nhẹ.

+ Sâu cuốn lá: Diện tích nhiễm 53,0 ha, giảm 24,6 so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở huyện Củ Chi.

+ Bọ xít hôi: Diện tích nhiễm 57,5 ha, giảm 27,4 so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở huyện Củ Chi, Hóc Môn.

+ Ốc brou vàng: Diện tích 612,0 ha, giảm 169,0 ha so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở huyện Hóc Môn, Củ Chi.

+ Chuột: Diện tích nhiễm 68,0 ha, giảm 34,0 ha so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở huyện Củ Chi.

+ Bệnh đạo ôn: Diện tích 56,5 ha, giảm 22,3 ha so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở huyện Hóc Môn, Củ Chi.

+ Bệnh đốm vằn: Diện tích 52,9 ha, giảm 14,2 ha so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở huyện Củ Chi.

b) Cây rau

Tổng diện tích nhiễm sinh vật hại trên cây rau vụ Đông xuân 2023 - 2024 trong tuần qua 632,1 ha, tăng 4,7 ha so với tuần trước. Trong đó diện tích phòng trừ là 389,9 lượt ha, chiếm 61,8% diện tích nhiễm sinh vật hại. Các sinh vật hại chủ yếu là sâu ăn tạp, sâu xanh, dòi đục lá, bọ nhảy, rầy xám, ốc brou vàng, bệnh rỉ trắng, bệnh thối nhũn. Các sinh vật hại đều có mật số và tỉ lệ bệnh ở mức nhẹ.

- Sâu ăn tạp: Diện tích 124,5 ha, tăng 3,0 ha so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở huyện Củ Chi, Hóc Môn, Bình Chánh, Quận 12.

- Sâu xanh: Diện tích 69,8 ha, giảm 0,9 ha so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở huyện Củ Chi, Hóc Môn, Bình Chánh.

- Bọ trĩ: Diện tích nhiễm 32,6 ha, tương đương so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở huyện Củ Chi.

- Dòi đục lá: Diện tích nhiễm 29,4 ha, tăng 1,0 ha so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở huyện Củ Chi.

- Rầy xanh: Diện tích nhiễm 25,7 ha, tăng 1,0 ha so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở huyện Củ Chi.

- Bọ nhảy: Diện tích nhiễm 21,2 ha, tăng 1,3 ha so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở huyện Hóc Môn, Quận 12, Bình Chánh.

- Ốc brou vàng: Diện tích nhiễm 208,6 ha, tương đương so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở huyện Hóc Môn, Quận 12, thành phố Thủ Đức.

- Bệnh rỉ trắng: Diện tích 29,3 ha, giảm 1,2 ha so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở huyện Củ Chi, Hóc Môn, Bình Chánh, Quận 12, thành phố Thủ Đức.

- Bệnh thối nhũn: Diện tích 5,5 ha, giảm 0,6 ha so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở huyện Hóc Môn, Bình Chánh.

c) Cây hoa kiểng

Tổng diện tích nhiễm sinh vật hại là 30,5 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước (24,2 ha). Diện tích phòng trừ sinh vật hại trên hoa lan, cây kiểng là 29,7 ha chiếm 97,4% diện tích nhiễm sinh vật hại. Các sinh vật hại phổ biến trên hoa lan là muỗi đục nụ, nhện đỏ, bọ trĩ, bệnh đốm lá...; trên cây hoa mai là nhện đỏ, bọ trĩ, sâu ăn lá, sâu đục thân, bệnh cháy lá, ... Các sinh vật hại đều có mật số và tỉ lệ bệnh ở mức nhẹ.

- Cây hoa lan: Diện tích nhiễm sinh vật hại là 14,6 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước (11,5 ha).

- Cây hoa mai: Diện tích nhiễm sinh vật hại là 15,2 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước (12,0 ha).

- Cây hoa khác: Diện tích nhiễm sinh vật hại là 0,7 ha, tương đương so với cùng kỳ năm trước (0,7 ha).

d) Cây trồng khác

- Cây bắp: Chưa ghi nhận diện tích bị sâu keo mùa thu (*Spodoptera frugiperda*) gây hại trên cây bắp.

- Cây khoai mì: Chưa ghi nhận diện tích trồng khoai mì bị nhiễm bệnh khảm lá.

- Cây dứa: Chưa ghi nhận diện tích bị sâu đầu đen (*Opisina arenosella*) gây hại trên cây dứa.

IV. DỰ BÁO SINH VẬT GÂY HẠI VÀ ĐỀ XUẤT BIỆN PHÁP CHỈ ĐẠO PHÒNG TRỪ

1. Dự báo sinh vật gây hại chủ yếu trong kỳ tới

a) Cây lúa

- Rầy nâu: Rầy nâu ngoài đồng phổ biến ở giai đoạn tuổi 1 - tuổi 2 với mật số thấp. Khuyến cáo nông dân thăm đồng thường xuyên, quan sát kỹ phần gốc lúa để phát hiện rầy cám, nếu mật số rầy cao (>3 con/tép) có thể sử dụng một trong những loại thuốc bảo vệ thực vật chống lệt xác nằm trong danh mục thuốc được phép sử dụng ở Việt Nam để phun trừ.

- Chú ý bệnh đạo ôn lá trên lúa giai đoạn đẻ nhánh - trổ; đạo ôn cổ bông trên lúa giai đoạn trổ - chín. Khuyến cáo chủ động phun ngừa bệnh đạo ôn cổ bông bằng các thuốc bảo vệ thực vật trong danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng ở Việt Nam. Phun vào thời điểm lúa bắt đầu trổ và phun lại lần 2 khi lúa đã trổ đều để bảo vệ năng suất, phẩm chất lúa khi thu hoạch.

- Chú ý chuột gây hại trên lúa giai đoạn đòng - trổ - chín. Áp dụng các biện pháp diệt chuột mang tính cộng đồng, triển khai trên diện rộng để đạt hiệu quả cao.

- Các đối tượng khác xuất hiện gây hại với tỷ lệ và mật số không cao.

b) Cây rau

- Rau ăn lá: Cần chú ý các loài sâu hại phổ biến như bọ nhảy, sâu tơ, sâu xanh, sâu khoang, rầy xám, bọ trĩ. Ngoài ra cần chú ý phòng trị một số bệnh như bệnh gỉ trắng trên cây rau muống, bệnh đốm lá, vàng lá.

- Rau ăn quả: Lưu ý các sinh vật hại phổ biến như sâu ăn tạp, sâu xanh, ruồi đục trái, rầy mềm, đốm lá, vàng lá.

c) Cây hoa kiểng

- Cây hoa lan: cần lưu ý một số bệnh hại thường phát sinh gây hại như bệnh khô đầu lá, thối nhũn, đốm lá và một số côn trùng gây hại như nhện đỏ, muỗi đục nụ...
- Cây hoa mai: cần lưu ý phòng trị sâu ăn lá, rầy xanh, bọ trĩ, bệnh cháy lá.

d) Cây trồng khác

- Cây bắp: cần lưu ý sâu keo mùa thu ở giai đoạn 5 lá - xoáy nõn - trở cò.
- Cây dứa: lưu ý các đối tượng như bọ cánh cứng, bọ vòi voi, sâu đầu đen.

Ngoài ra, cũng cần lưu ý đến bệnh rụng lá đốm tròn trên cây cao su; bệnh Greening, và sâu đục trái trên cây có múi; Sâu đục thân, rệp sáp, rầy đầu vàng trên các ruộng mía giai đoạn đẻ nhánh tích cực và vuron lóng.

2. Đề xuất biện pháp chỉ đạo phòng trừ sinh vật gây hại chủ yếu trong kỳ tới

- Theo dõi diễn biến sinh vật gây hại trên đồng ruộng và tình hình sản xuất cây trồng vụ Đông xuân 2023 - 2024.

- Thường xuyên cử cán bộ kỹ thuật theo dõi, bám sát đồng ruộng, điều tra nắm bắt kịp thời tình hình sinh vật hại để phòng trị kịp thời, tránh sâu hại lây lan và gây hại trên diện rộng, ảnh hưởng đến năng suất.

- Tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị số 5957/CT-BNN-BVTV ngày 06/8/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc tăng cường công tác phòng chống bệnh khảm lá virus hại sắn.

- Tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị số 9864/CT-BNN-BVTV ngày 19/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc tăng cường công tác phòng, chống chuột bảo vệ sản xuất.

- Tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị 4962/BNN-BVTV ngày 15/7/2019 của Bộ trưởng về tăng cường chỉ đạo phòng chống sâu keo mùa thu hại ngô, giám sát Phòng chống hiện tượng lùn xoắn lá ngô; Theo dõi chặt chẽ diễn biến của sâu keo mùa thu hại ngô, áp dụng Quy trình kỹ thuật phòng, chống sâu keo mùa thu do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành tại Quyết định số 218/QĐ-BNN-BVTV ngày 16/01/2020.

- Trên nhóm cây có múi áp dụng các biện pháp quản lý trong quy trình phòng trừ bệnh greening và sâu đục trái cây có múi đã được ban hành. Khuyến cáo áp dụng biện pháp bao trái để phòng ngừa sâu đục trái gây hại. *Trần Công Lực*

Nơi nhận:

- Trung tâm BVTV Phía Nam;
- Sở NN và PTNT (phòng KHCN);
- UBND TP. Thủ Đức;
- UBND huyện: CC, HM, BC, NB, CG;
- UBND Quận: 7, 12, Bình Tân;
- Chi cục TTBVTV các tỉnh phía Nam;
- Hội Nông dân Thành phố;
- Trung tâm Khuyến nông;
- Ban lãnh đạo Chi Cục;
- Phòng: BVTV, TT;
- Trạm TTBVTV;
- Lưu: VT, BVTV.ĐTH (02).

**KI. CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**



Trần Công Lực
Trần Công Lực

Phụ lục I

TỔNG HỢP DIỆN TÍCH NHIỆM SVGH CHỦ YẾU TRÊN CÂY LÚA VỤ ĐÔNG XUÂN 2023 - 2024
(Kèm theo Báo cáo số: **441** /BC-CCTTBVTV, ngày **07** tháng **3** năm 2024 của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật)

STT	Tên SVGH	Diện tích nhiệm (ha)		Tổng DTN (ha)	Số sánh DTN (+/-)		DT phòng trừ (ha)	Phân bố	
		Nhẹ-Tb	Nặng		MT	Kỳ trước			CKNT
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Sâu cuốn lá	53			53	77,6	9,5		CC
2	Bọ xít hôi	57,5			57,5	84,9	14,3		HM,CC
3	Sâu phao	-			-	-	0,3		-
4	Đạo ôn	56,5			56,5	78,8	15,5		HM,CC
5	Đốm vằn	52,9			52,9	67,1	9		HM,CC
6	OBV	612			612	781	747		CC,HM,BT
7	Chuột	68			68	102	12,3		CC,BT
8	Vàng lá	-			-	-	1		-
	Tổng	899,9			899,9	1.191,4	808,9		

CHI CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT

Phụ lục II

TỔNG HỢP DIỆN TÍCH NHIỆM SINH VẬT GÂY HẠI CHỦ YẾU TRÊN CÂY RAU

(Kèm theo Báo cáo số: **24/BC-CCTB/TV**, ngày **07** tháng **3** năm 2024 của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật)

STT	Tên SVGH	Diện tích nhiễm (ha)			Tổng DTN (ha)	So sánh DTN (+/-)		DT phòng trừ (ha)	Phân bố
		Nhẹ-Tb	Nặng	MT		Kỳ trước	CKNT		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Bọ nhảy	21,2			21,2	19,9	25,2	15,4	HM, Q12, BC, BT
2	Sâu xanh	69,8			69,8	70,7	57,5	48,1	HM, Q12, BC, BT, CC
3	Sâu tơ	17,6			17,6	17,8	15,4	11,9	HM, Q12, BC, BT, TĐ
4	Dòi đục lá	29,4			29,4	28,4	16,4	17,2	HM, CC
5	Sâu đục trái	1,8			1,8	1,8	1,8	1,8	BC
6	Sâu ăn tạp	124,5			124,5	121,5	119,1	89,1	TĐ, HM, Q12, BC, BT, CC
7	Bọ trĩ	32,6			32,6	32,6	15,8	20,6	BC, CC
8	Rầy mềm	1,1			1,1	1,1	1,3	1,0	BC, BT
9	Rầy xanh	25,7			25,7	24,7	15,2	14,5	BC, HM, CC
10	Rầy xám	14,2			14,2	14,2	22,4	7,7	HM, Q12, TĐ
11	Bọ phấn	14,0			14,0	13,0	10,0	7,0	CC
12	Sâu đục đọt	0,7			0,7	0,7	1,1	0,7	BC
13	Bọ xít đen	4,0			4,0	4,0	4,0	-	TĐ
14	Ruồi đục trái	18,8			18,8	18,8	18,5	11,8	BC, CC
15	OBV	208,6			208,6	208,6	208,5	110,1	TĐ, HM, Q12
16	Ốc sên	0,60			0,60	0,6	0,60	0,5	Q12, BC
17	Tnhũn/r.cài	5,5			5,5	6,1	7,6	3,5	HM, Q12, BC
18	Ri trắng/RM	29,3			29,3	30,5	34,4	21,2	TĐ, HM, Q12, BC, BT, CC
19	Đóm lá	5,2			5,2	4,8	10,6	3,9	BC, HM, Q12
20	Ph. vàng/dưa leo, khô qua	0,5			0,5	0,6	1,1	0,3	HM
21	Vàng lá	6,1			6,1	6,1	7,1	3,6	TĐ, HM
	Tổng	631,2			631,2	626,5	593,6	389,9	

CHI CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT

Phụ lục III
TỔNG HỢP DIỆN TÍCH NHIỆM SVGH CHỦ YẾU TRÊN HOA LAN CÂY KIỀNG
(Kèm theo Báo cáo số: **221** /BC-CCTTBT/TV, ngày **07** tháng **3** năm 2024 của Chi cục TTBVT/TV)

STT	Tên SVGH	Diện tích nhiệm (ha)		Tổng DTN (ha)	So sánh DTN (+/-)		DT phòng trừ (ha)	Phân bố
		Nặng	MT		Kỳ trước	CKNT		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(7)	(8)	(9)	(10)
I	Hoa lan	14,6		14,6	15,1	11,5	13,8	
1	Muối hại bông	4,9		4,9	5,3	4,9	4,8	TĐ, HM, Q12, CC, BC, BT, CG, Q7
2	Nhện đỏ	0,3		0,3	0,3	0,3	0,3	BC
3	Rệp vảy	0,1		0,1	0,1	0,1	0,1	CC, BC
4	Bọ trĩ	0,8		0,8	0,8	0,6	0,7	CC, BC
5	Ốc sên	0,2		0,2	0,2	0,2	0,2	TĐ, CG
6	Đóm lá	3,7		3,7	3,9	3,1	3,5	TĐ, HM, Q12, CC, CG, Q7
7	Khô đầu lá	1,8		1,8	1,7	0,2	1,8	TĐ, CG, Q7
8	Thối nhũn	1,3		1,3	1,3	0,9	1,1	CC, BC, CG, Q7
9	Đốm đen	0,5		0,5	0,5	0,4	0,3	CC
10	Vàng lá	0,7		0,7	0,7	0,6	0,7	BC
11	Bọ cánh cứng	0,2		0,2	0,2	0,1	0,2	BC
12	Rêu xanh	0,2		0,2	0,3	0,1	0,2	TĐ
II	Hoa mai	15,2		15,2	15,6	12,0	15,2	
1	Nhện đỏ	1,5		1,5	1,7	2,1	1,5	TĐ, HM, Q12, CC, CG
2	Sâu ăn lá	4,3		4,3	4,6	2,6	4,3	TĐ, HM, Q12, CC, BC, CG
3	Bọ trĩ	2,0		2,0	2,1	2,9	2,0	TĐ, HM, Q12, CC, CG, BC
4	Rệp vảy	-		-	-	0,1	-	HM, Q12
5	Rầy xanh	0,1		0,1	0,1	-	0,1	BC
6	Cháy lá	1,5		1,5	1,5	0,1	1,5	TĐ, CC
7	Mốc cam	3,3		3,3	2,8	1,7	3,3	CG
8	Nấm hồng	0,4		0,4	0,4	0,4	0,4	BC, BT
9	Rong rêu	1,2		1,2	1,2	0,2	1,2	TĐ
III	Cây hoa khác	0,7		0,7	0,7	0,7	0,7	TĐ, CC, BC, BT, CG
	Tổng cộng	30,5		30,5	31,4	24,2	29,7	

CHI CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT

